

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2025

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Hội Thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Phương.

Bà Nguyễn Thị Bảy.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lành - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thanh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/12/2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị [Nguyễn Thị C](#), sinh năm 1983; địa chỉ: [Khu Đ, phường H, tỉnh Bắc Ninh](#); Hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh [Ngô Văn K](#), sinh năm 1979; địa chỉ: [Khu Đ, phường H, tỉnh Bắc Ninh](#). Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn là chị [Nguyễn Thị C](#) trình bày:* Chị và anh [Ngô Văn K](#) được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11/12/2002 tại [Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh](#). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đầu năm 2014, chị đi xuất khẩu lao động, đến tháng 6/2015 thì anh [K](#) có mối quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải để hàn gắn nhưng không có kết quả, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa. Vì vậy, chị đề nghị được ly hôn anh [K](#).

- Con chung: Anh chị có 02 con chung là [Ngô Thị Lan A](#), sinh ngày 20/8/2003 và [Ngô Thị Kim C1](#), sinh ngày 08/01/2006. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn là anh* [Ngô Văn K](#) *trình bày:* Anh kết hôn với chị [Nguyễn Thị C](#) năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B](#). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2015, chị [C](#) đi Đài Loan, thỉnh thoảng chị [C](#) có về Việt Nam nhưng không về thăm anh mà chỉ về nhà bố mẹ đẻ. Hiện chị [C](#) làm gì, ở Đài Loan hay Việt Nam thì anh không biết. Vợ chồng đã ly thân được gần 10 năm, hiện anh không thể liên lạc được với chị [C](#). Nay anh nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn được, mâu thuẫn đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị [C](#) đề nghị ly hôn thì anh đồng ý.

- Con chung: Anh và chị [C](#) có 02 con chung là [Ngô Thị Lan A](#), sinh ngày 20/8/2003 và [Ngô Thị Kim C1](#), sinh ngày 08/01/2006. Hiện nay các con chung đều trên 18 tuổi, đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung, nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan nên Hội đồng xét xử không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, chị [Nguyễn Thị C](#) có quan điểm vắng mặt, anh [Ngô Văn K](#) đã được triệu tập hợp lệ hai lần vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo đúng theo trình tự thủ tục tố tụng.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 37, 38, 146, 147, 227, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Xử: Cho chị [Nguyễn Thị C](#) được ly hôn anh [Ngô Văn K](#).

Về con chung, tài sản và công nợ: Không giải quyết.

Án phí: Chị [Nguyễn Thị C](#) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Theo đơn xin ly hôn, chị [Nguyễn Thị C](#) đề nghị Tòa án xem xét cho chị được ly hôn anh [Ngô Văn K](#). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

- Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh [Ngô Văn K](#) có hộ khẩu thường trú tại [khu D, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh](#); chị [C](#) trình bày bản thân sinh sống ở [Đài Loan](#). Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về thời gian xuất nhập cảnh của chị [C](#) tại [Phòng Q - Công an tỉnh B](#) được biết, chị [C](#) không xuất cảnh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị [C](#) gửi bản tự khai trình bày quan điểm về Tòa án thì thấy: Tại bản tự khai do chị [C](#) viết đề ngày 24/06/2025 có xác nhận của [Văn phòng K1](#) tại [Đ](#). Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Chị [C](#) đề nghị xét xử vắng mặt. Anh [K](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị [Nguyễn Thị C](#) và anh [Ngô Văn K](#) kết hôn ngày 11/12/2002, tại thời điểm kết hôn chị [C](#) và anh [K](#) đều đủ tuổi, đủ năng lực, đủ điều kiện kết hôn theo luật định và được [UBND phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh](#) (nay là [UBND phường H, tỉnh Bắc Ninh](#)) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị [C](#) và anh [K](#) là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng năm 2014 chị [C](#) đi nước ngoài lao động, vợ chồng sống xa nhau nên không có sự tin tưởng, tôn trọng với nhau. Từ 2015 đến nay vợ chồng sống ly thân, trong thời gian đó vợ chồng không liên lạc với nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị [C](#) là có căn cứ, đủ điều kiện ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là [Ngô Thị Lan A](#), sinh ngày 20/8/2003 và [Ngô Thị Kim C1](#), sinh ngày 08/01/2006. Hiện cả các con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí: Chị [Nguyễn Thị C](#) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Nguyễn Thị C](#).
 - Về quan hệ hôn nhân: Chị [Nguyễn Thị C](#) được ly hôn anh [Ngô Văn K](#).
 - Con chung, tài sản chung, công nợ chung: Không giải quyết.
2. Án phí: Chị [Nguyễn Thị C](#) phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị [Nguyễn Thị C](#) đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0000296 ngày 06/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.
3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Hạp Lĩnh, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai

